



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

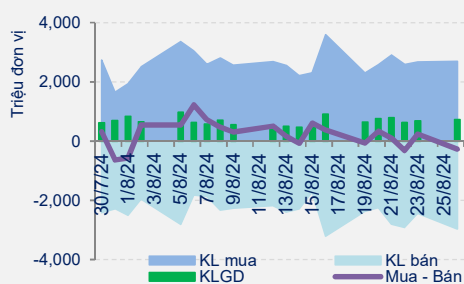
26/8/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

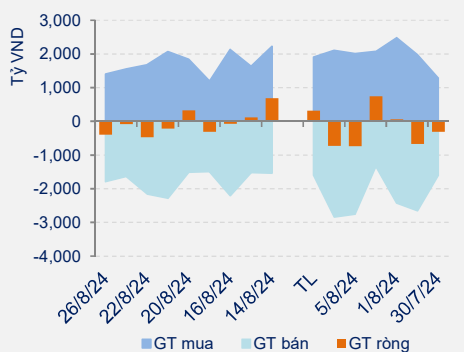
Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,280.02	238.97
% Thay đổi	↓ -0.41%	↓ -0.46%
KLGD (CP)	727,273,888	65,088,913
GTGD (tỷ đồng)	18,276.13	1,246.30
Tổng cung (CP)	2,957,774,633	120,787,800
Tổng cầu (CP)	2,693,297,967	87,164,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	64,792,961	2,710,300
KL mua (CP)	40,715,690	1,175,275
GT mua (tỷ đồng)	1,395.01	34.35
GT bán (tỷ đồng)	1,785.08	80.78
GT ròng (tỷ đồng)	(390.07)	(46.43)

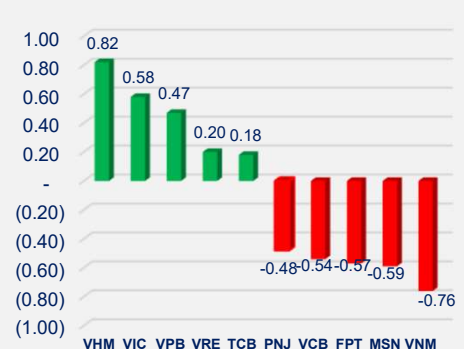
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Điểm nhấn đáng chú ý với thị trường là thông điệp của Chủ tịch Fed tại hội nghị Jackson Hole ngày 23/8, "Đã đến lúc điều chỉnh chính sách. Hướng đi đã rõ ràng, thời điểm cũng như tốc độ cắt giảm lãi suất sẽ phụ thuộc vào dữ liệu về triển vọng kinh tế và cân bằng các rủi ro thời gian tới". Ông cũng cho biết trong bài phát biểu, "Lạm phát đã hạ nhiệt đáng kể. Thị trường lao động không còn quá nóng và tình hình hiện nay ít căng thẳng hơn so với trước đại dịch Covid-19. Các hạn chế về nguồn cung cũng trở lại bình thường và sự cân bằng rủi ro đối với hai nhiệm vụ của chúng tôi đã thay đổi".

Sau tuần giao dịch tăng giá trước đó, cùng với sự tích cực đến từ thị trường chứng khoán Mỹ, VN-INDEX mở cửa phiên sáng nay trong sắc xanh tuy nhiên đã tăng điểm của VN-INDEX khá thận trọng, áp lực chốt lời gia tăng sau 14h khiến VN-INDEX kết phiên điều chỉnh -5,3 điểm (-0,41%) về mốc 1.280,02 điểm. HNX-INDEX kết phiên tại mốc 238,97 điểm (-2,55 điểm, tương ứng -0,19%). Độ rộng thị trường nghiêng về tiêu cực với 203 cổ phiếu giảm giá, 109 cổ phiếu tăng giá, 53 cổ phiếu tham chiếu tại HOSE. HNX giao dịch với 88 cổ phiếu giảm giá, 65 cổ phiếu tham chiếu và 61 cổ phiếu tăng giá.

Thanh khoản trên cả 2 sàn có sự phân hóa so với phiên giao dịch trước đó khi khối lượng khớp lệnh +9% tại HOSE và -22% tại HNX. Khối ngoại phiên hôm nay tiếp tục bán ròng với -390,096 tỷ đồng tại HOSE tiếp tục tập trung tại mã VHM (-25,9 tỷ), bán ròng mã HPG (-148,9 tỷ), HSG (-71,9 tỷ) và VPB (-66 tỷ)...ở chiều ngược lại, mua ròng HCM (+66 tỷ), VCI (+57 tỷ)... Cùng với đó, bán ròng từ khối ngoại cũng diễn ra trên sàn HNX với -46,427 tỷ đồng, tập trung tại các mã PVS (-18,4 tỷ), PVI (-10,1 tỷ) và SHS (-6,2 tỷ), chiều mua ròng nổi bật với IDC (+4,9 tỷ), API (+0,66 tỷ), NTP (+0,59 tỷ)...

Nhóm ngành tác động cho sự giảm điểm của thị trường hôm nay là Du Lịch và Giải Trí với các mã HVN (-3,43%), MAS (-4%), HRT (-1,37%), SCS (-0,72%)...Những nhóm ngành như Hóa Chất - Cao Su - Phân Bón cũng giao dịch trong sắc đỏ, tiêu biểu như DCM (-1,87%), DPM (-2,24%), DHC (-1,68%), CSV (-2,3%), GVR (-1,13%), PHR (-0,88%)... Nhóm Công Nghệ Thông Tin giảm điểm với FPT (-1,2%), CMG (-1,86%), ELC (-2,61%), ITD (-1,97%)...

Ngành Ngân Hàng phiên hôm nay giao dịch với sự phân hóa khi CTG (-1%), NAB (-2,1%), BID (-0,59%)...tuy nhiên VPB (+1,33%), TCB (+0,45%)...

Ghi nhận trong phiên hôm nay, một số ngành khác chứng kiến nhiều mã tăng điểm như ngành Chứng Khoán với HCM (+3,3%), SSI (+1,04%), VCI (+2,11%), ORS (1,53%), TVS (+3,37%)... nhóm ngành Bất Động Sản Dân Cư khởi sắc với VHM (+1,89%), PDR (+1,39%), KDH (+0,8%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2409 đóng cửa +1,7 điểm (+0,1%) tại 1.317 điểm. Chênh lệch -1,6 điểm so với VN30, các kỳ hạn xa hơn chênh lệch từ -7,6 điểm đến +2,1 điểm so với VN30, độ lệch tại một vài kỳ hạn bớt âm và tiến sát về mức trung lập 0 hơn so với những phiên giao dịch tuần trước cho thấy hành động đóng dần vị thế Short khi sự điều chỉnh của thị trường cơ sở đã bắt đầu diễn ra phiên hôm nay. Tổng khối lượng hợp đồng giao dịch -16,5% so với phiên trước, và thấp hơn mức trung bình 20 phiên. Xu hướng ngắn hạn của VN30F2409, vẫn tiếp tục dao động trong biên 1.280 - 1.320 điểm. Khối lượng mở OI hôm nay là 45.927 ít hơn so với phiên gần nhất là 50.852 cho thấy xu hướng giảm bớt các vị thế nắm giữ.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


Sau tuần giao dịch khá tích cực khi VN-INDEX tăng điểm tốt vượt lên vùng giá giá cao nhất năm 2023 tại 1.250 điểm - 1.255 điểm, VN-INDEX trong phiên hôm nay tiếp tục hướng đến vùng kháng cự rất mạnh 1.290 điểm - 1.300 điểm với thanh khoản suy giảm trong phiên sáng thể hiện lực cầu ngắn hạn suy yếu ở vùng kháng cự mạnh dẫn đến áp lực bán gia tăng trong phiên chiều. Kết phiên VN-INDEX giảm 5,30 điểm (-0,41%) về mức 1.280,02 điểm, khối lượng giao dịch tăng 8,88% so với phiên trước. VN30 giảm 0,19% về mức 1.318,6 điểm khi chịu áp lực bán ở vùng giá 1.325 điểm - 1.340 điểm, vùng đỉnh tháng 05, 07/2024.

Ngắn hạn VN-INDEX đang gặp áp lực điều chỉnh, bán ngắn hạn tại vùng giá 1.280 điểm - 1.300 điểm là vùng kháng cự rất mạnh đỉnh giá các tháng 03, 06 và 07/2024. Với diễn biến sau phiên giao dịch hôm nay, VN-INDEX có thể tiếp tục điều chỉnh về vùng giá 1.250 điểm - 1.260 điểm, tương ứng vùng giá cao nhất năm 2023 cũng như khoảng trống tăng giá của phiên giao dịch ngày 19/08/2024. Điểm tích cực là áp lực điều chỉnh vẫn đang tương đối bình thường ở nhiều mã trong khi nhiều mã vẫn luân phiên phục hồi sau áp lực điều chỉnh mạnh.

Xu hướng trung hạn vẫn duy trì tích lũy tích cực trong vùng 1.250 điểm - 1.255 điểm đến 1.300 điểm, mở rộng lên 1.320 điểm. Trong đó 1.255 điểm là vùng giá cao nhất năm 2023, 1.300 điểm - 1.320 điểm là các vùng kháng cự rất mạnh, đỉnh giá tháng 06-8/2022 và đỉnh giá các tháng đầu năm 2024. Điểm cân bằng của kênh giá tích lũy này là quanh vùng 1.280 điểm.

Trong ngắn hạn, chúng tôi đã khuyến nghị không giải ngân mua đuổi khi VN-INDEX hướng đến vùng giá 1.280 điểm - 1.300 điểm do thị trường sẽ dần phân hóa và đây không phải là vùng giá hấp dẫn, khi VN-INDEX luôn chịu áp lực điều chỉnh mạnh trước đây. Nhà đầu tư ngắn-trung hạn duy trì tỉ trọng hợp lý, có thể xem xét gia tăng, mở rộng danh mục khi chỉ số VN-INDEX kiểm định vững chắc biên độ dưới 1.250 điểm - 1.255 điểm của kênh tích lũy trung hạn. Mục tiêu là các mã cổ phiếu đầu ngành, có kết quả kinh doanh quý II tăng trưởng tốt, triển vọng tích cực trong cuối năm.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 26/8/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
FPT	131.50	115-120	137-140	115	26.9	22.1%	24.2%	Theo dõi giải ngân
PVD	27.60	26-27	30-31	24	24.0	59.8%	-17.0%	Theo dõi giải ngân
GAS	84.20	79-80.5	90-92	74	17.7	25.0%	5.2%	Theo dõi giải ngân
MBB	24.45	23-24	27-28	22	6.0	-0.1%	23.2%	Theo dõi giải ngân
VHM	40.50	38-39	45-47	36	7.6	-13.5%	11.3%	Theo dõi giải ngân
GSP	13.50	12.8-13.5	15.5-16	12	8.3	62.6%	30.2%	Theo dõi giải ngân
HDG	28.60	27-28.5	32-33	26	14.4	-7.4%	110.0%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
17/6/2024	CLX	15.91	16.8	26-28	15.5	-5.3%	Nắm giữ
18/7/2024	DPM	34.90	33.2	40-41	35	5.1%	Nắm giữ
24/7/2024	POW	13.40	12.8	14.4-14.8	13	4.7%	Nắm giữ
8/8/2024	BSR	23.99	22.6	27-28	23	6.1%	Nắm giữ

TIN VÍ MÔ

Australia cam kết tiếp tục tăng vốn ODA cho Việt Nam

Chủ tịch Quốc hội đề nghị, Australia tiếp tục duy trì và tăng nguồn vốn ODA cho Việt Nam vào các lĩnh vực phát triển nguồn nhân lực, nhất là trong lĩnh vực bán dẫn, quản lý công, xây dựng chính sách công và tài chính vĩ mô. Về vấn đề này, Chủ tịch Thượng viện Australia chia sẻ, Australia cam kết tăng nguồn vốn ODA cho Việt Nam với số vốn là 95.7 triệu USD Australia (AUD) giúp Việt Nam phát triển các mục tiêu liên quan đến thương mại, kinh tế; đề nghị Việt Nam đơn giản hóa các thủ tục phê duyệt ODA để Australia sớm triển khai tại Việt Nam.

Việt Nam mong Australia hỗ trợ triển khai chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển sinh kế bền vững cho ĐBSCL, ứng phó với hạn hán tại Tây Nguyên, Trung và Nam Bộ... Về giáo dục, đào tạo, hai bên thống nhất cần tăng cường trao đổi học sinh, sinh viên và giảng viên, hợp tác nghiên cứu khoa học giữa các cơ sở giáo dục - đào tạo hai nước.

Bộ Tài chính đề nghị 3 tỉnh đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công

Để cùng cả nước đạt mục tiêu giải ngân đạt trên 95% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024, Bộ Tài chính đề nghị 3 tỉnh Phú Yên, Bình Định và Khánh Hòa tiếp tục quyết liệt triển khai, phát huy tinh thần trách nhiệm cao nhất, huy động cả hệ thống chính trị để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng các công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành giao thông vận tải theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Ước đến hết tháng 8/2024, tỉnh Bình Định giải ngân được 4.676,795 tỷ đồng, đạt 59,45% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 49,69% tổng kế hoạch vốn. Tỉnh Phú Yên giải ngân được 926 tỷ đồng, đạt 22,86% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 18,76% tổng kế hoạch vốn. Tỉnh Khánh Hòa giải ngân được trên 2.317,9 tỷ đồng, đạt trên 28% so với tổng kế hoạch vốn.

PBoC giữ nguyên lãi suất cơ bản, kiểm chế cơn sốt trái phiếu

Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC) giữ nguyên lãi suất cho vay chính sách một năm, hay còn gọi là cơ sở cho vay trung hạn (MLF), ở mức 2,3%, sau khi cắt giảm 20 điểm cơ bản vào tháng Bảy. Đồng thời, ngân hàng trung ương đã rút ròng 101 tỷ nhân dân tệ (14 tỷ USD) khỏi hệ thống ngân hàng trong tháng này, khi 401 tỷ nhân dân tệ các khoản vay đáo hạn vào ngày 15/8.

Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị các địa phương điều chỉnh bảng giá đất

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành công văn gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất theo quy định của pháp luật đất đai. Theo đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khi áp dụng giá đất trong bảng giá đất phục vụ cho công tác quản lý đất đai phải chỉ đạo rà soát, trường hợp tại khu vực, vị trí cần áp dụng bảng giá đất mà giá đất chưa phù hợp với thực tế thì căn cứ quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương để quyết định điều chỉnh bảng giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 tại khu vực, vị trí đó để áp dụng đến hết ngày 31/12/2025. Trình tự điều chỉnh bảng giá đất thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP.

TIN DOANH NGHIỆP

**Cổ phiếu NVL tăng 15% trong tuần:
Novagroup bán thêm 3 triệu cổ phiếu**

Novagroup tiếp tục thoái vốn tại Novaland, dự kiến bán 3 triệu cổ phiếu NVL từ 27/8 đến 6/9/2023 để cân đối đầu tư và hỗ trợ cơ cấu nợ. Sau giao dịch, tỷ lệ sở hữu của Novagroup giảm xuống 17,6%. Cổ phiếu NVL đã tăng 15% trong tuần qua nhờ đà hồi phục của thị trường. Mục tiêu chính của Novagroup trong đợt bán cổ phiếu lần này là cân đối đầu tư và hỗ trợ cơ cấu nợ. Với giá cổ phiếu NVL kết phiên ngày 22/8 ở mức 12.900 đồng, giá trị của 3 triệu cổ phiếu mà Novagroup dự kiến bán ra vào khoảng 39 tỷ đồng. Đây là một phần trong chuỗi thoái vốn kéo dài từ đầu năm 2023, với tổng số lượng bán ròng hơn 33 triệu cổ phiếu, bao gồm cả cổ phiếu bị giải chấp.

**VND: Hơn 300 triệu cổ phiếu
VNDirect sắp về tài khoản nhà đầu
tư, thị giá "bay" 13% so với thời
điểm chốt quyền**

Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE) thông báo 22/8 là ngày thay đổi niêm yết có hiệu lực của hơn 304 triệu cổ phiếu VND của Chứng khoán VNDirect. Đây là lượng cổ phiếu VNDirect thực hiện chào bán ra công chúng và phát hành cổ phiếu trả cổ tức. Gần 295 triệu cổ phiếu VND có thể bắt đầu giao dịch luôn kể từ ngày 4/9/2024. Còn lại hơn 9,5 triệu cổ phiếu cổ đông không thực hiện quyền và được phân phối cho nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng một năm. Ngày giao dịch sẽ từ 14/7/2025.

**Vinpearl vừa huy động thành công
150 triệu USD trái phiếu quốc tế**

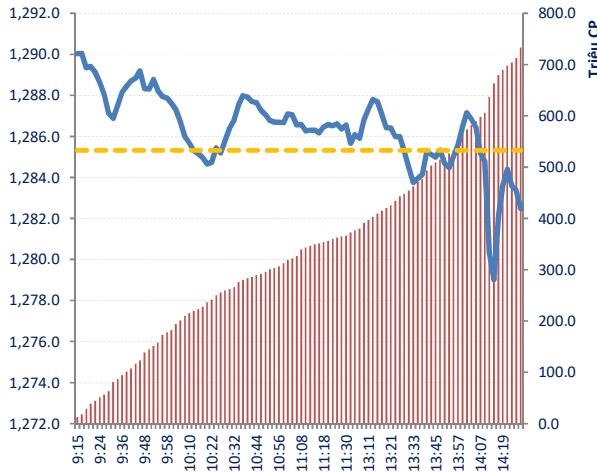
Theo thông báo từ Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, CTCP Vinpearl vừa phát hành 750 trái phiếu quốc tế với mệnh giá 200.000 USD tương đương tổng giá trị 150 triệu USD. Số trái phiếu này có kỳ hạn 5 năm, đáo hạn vào ngày 20/8/2029. Về tình hình kinh doanh, Vinpearl tiếp tục có lãi 670,6 tỷ đồng năm nay, sau khi lãi lớn 4.230 tỷ đồng năm 2022. Với kết quả này, doanh nghiệp đạt hệ số ROE 5% (năm ngoái là 49%). Vốn chủ sở hữu tăng 57% lên mức 13.316 tỷ đồng.

**Hơn 1 năm sau 'trận chiến' 35.000 tỷ,
nhà ga hành khách sân bay Long
Thành chính thức cất nóc**

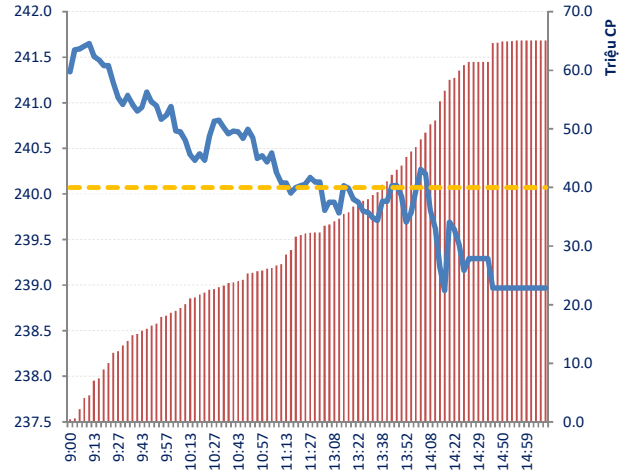
Theo thông tin từ CTCP Đầu tư Xây dựng Ricons, chiều ngày 23/8, công ty này chính thức tổ chức lễ cất nóc công trình gói thầu 5.10 - thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình nhà ga hành khách – Cảng hàng không quốc tế Long Thành – Giai đoạn 1. Theo đại diện của Ricons, khởi công ngày 31/8/2023, đến nay, nhà ga của sân bay Long Thành đã chính thức hoàn thành phần kết cấu bê tông cốt thép từ tầng hầm kỹ thuật đến tầng 4, kết hợp thi công và lắp đặt công tác cơ điện.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

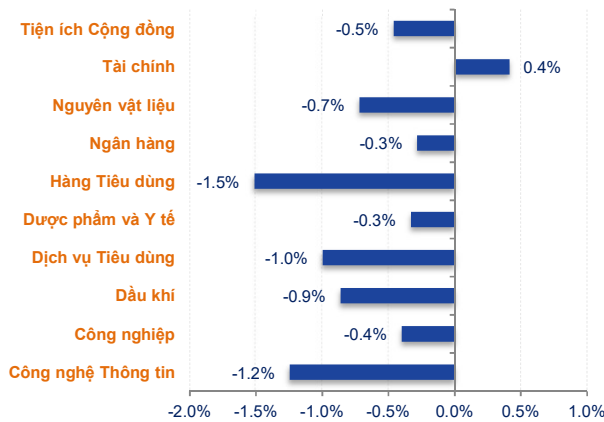
KLGD và VN-Index trong phiên



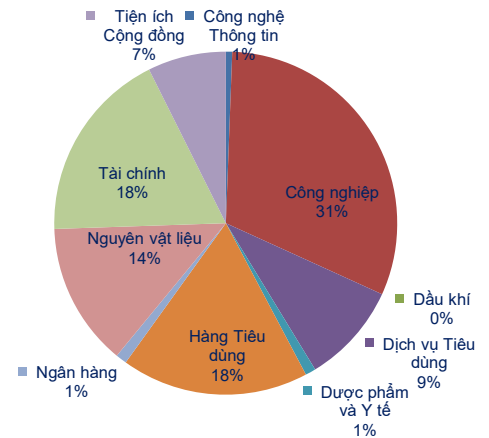
KLGD và HNX-Index trong phiên



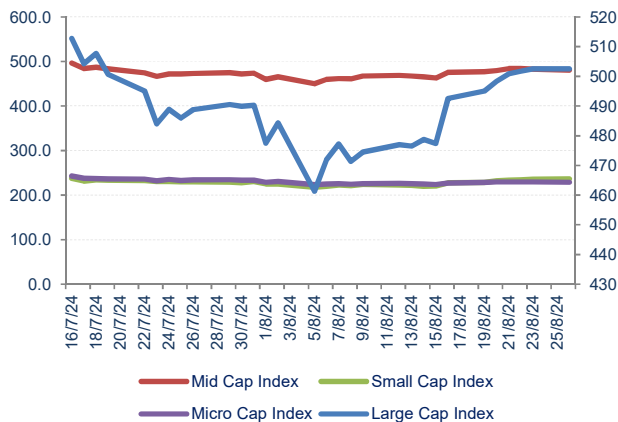
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



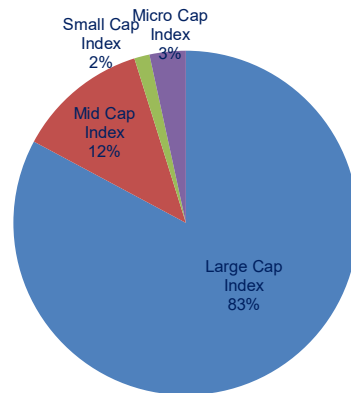
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HCM	2,267,700	HPG	5,700,613
2	VCI	1,183,320	VPB	3,451,200
3	FUEVFVND	1,034,200	HSG	3,400,700
4	KHG	768,100	AAA	3,326,500
5	PDR	760,900	PVD	2,072,900

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	AAV	88,000	PVS	451,200
2	IDC	81,400	SHS	365,500
3	API	77,900	CEO	282,700
4	IDJ	39,800	PVI	191,300
5	APS	27,500	TNG	180,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
VPB	18.75	19.00	↑	1.33%	40,060,003
VIX	12.15	12.15	⇒	0.00%	31,656,200
SHB	10.65	10.60	↓	-0.47%	31,586,909
MSB	14.90	14.90	⇒	0.00%	28,655,500
HCM	28.75	29.70	↑	3.30%	22,833,200

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
SHS	16.80	16.70	↓	-0.60%	11,232,078
CEO	16.90	16.70	↓	-1.18%	6,076,734
HUT	17.60	17.30	↓	-1.70%	4,061,103
MBS	28.70	28.60	↓	-0.35%	2,893,333
PVS	40.40	40.20	↓	-0.50%	2,810,038

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VCF	218.00	233.20	15.20	↑ 6.97%
LEC	5.77	6.17	0.40	↑ 6.93%
DC4	11.75	12.55	0.80	↑ 6.81%
SFC	21.50	22.50	1.00	↑ 4.65%
MDG	13.30	13.85	0.55	↑ 4.14%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KSD	4.10	4.50	0.40	↑ 9.76%
VC6	26.80	29.40	2.60	↑ 9.70%
WCS	259.80	285.00	25.20	↑ 9.70%
CTP	17.70	19.40	1.70	↑ 9.60%
VC2	7.40	8.10	0.70	↑ 9.46%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DTT	21.25	19.80	-1.45	↓ -6.82%
TDC	11.85	11.05	-0.80	↓ -6.75%
TCR	3.46	3.25	-0.21	↓ -6.07%
DRH	2.50	2.35	-0.15	↓ -6.00%
PNJ	108.90	102.60	-6.30	↓ -5.79%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VLA	13.40	12.10	-1.30	↓ -9.70%
TPH	15.50	14.00	-1.50	↓ -9.68%
SFN	18.80	17.00	-1.80	↓ -9.57%
MVB	20.80	19.10	-1.70	↓ -8.17%
PTD	5.10	4.70	-0.40	↓ -7.84%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	40,060,003	8.7%	1,529	12.3	1.1
VIX	31,656,200	7.6%	801	15.2	1.1
SHB	31,586,909	15.6%	2,237	4.8	0.7
MSB	28,655,500	14.8%	2,366	6.3	0.9
HCM	22,833,200	11.0%	1,728	16.6	1.9

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	11,232,078	5.7%	688	24.4	1.2
CEO	6,076,734	2.6%	304	55.6	1.5
HUT	4,061,103	0.5%	71	248.5	1.4
MBS	2,893,333	14.4%	1,676	17.1	2.4
PVS	2,810,038	6.8%	1,932	20.9	1.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VCF	↑ 7.0%	20.6%	16,613	13.1	2.5
LEC	↑ 6.9%	-4.8%	(707)	-	0.4
DC4	↑ 6.8%	25.3%	2,955	4.0	1.0
SFC	↑ 4.7%	14.6%	2,286	9.4	1.4
MDG	↑ 4.1%	-12.3%	(1,647)	-	1.2

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KSD	↑ 9.8%	-0.6%	(56)	-	0.4
VC6	↑ 9.7%	19.7%	2,914	9.2	1.7
WCS	↑ 9.7%	32.9%	29,446	8.8	2.7
CTP	↑ 9.6%	0.0%	1	13,337.6	1.4
VC2	↑ 9.5%	1.8%	247	29.9	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HCM	2,267,700	11.0%	1,728	16.6	1.9
VCI	1,183,320	9.8%	1,780	26.7	2.4
FUEVFVND	1,034,200	N/A	N/A	N/A	N/A
KHG	768,100	0.9%	109	49.6	0.5
PDR	760,900	5.0%	677	31.9	1.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
AAV	88,000	-1.5%	(170)	-	0.6
IDC	81,400	30.1%	5,573	11.0	3.3
API	77,900	-6.2%	(687)	-	0.8
IDJ	39,800	6.1%	720	9.9	0.6
APS	27,500	0.0%	(3)	-	0.8

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	516,432	19.5%	5,962	15.5	2.8
BID	287,872	18.1%	4,006	12.6	2.1
GAS	194,534	16.4%	4,760	17.8	2.7
FPT	194,386	23.3%	4,890	27.2	5.9
CTG	187,681	15.7%	3,782	9.2	1.4

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	20,295	30.1%	5,573	11.0	3.3
PVS	19,310	6.8%	1,932	20.9	1.4
HUT	15,708	0.5%	71	248.5	1.4
MBS	15,701	14.4%	1,676	17.1	2.4
THD	13,667	3.0%	450	78.9	3.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
RDP	2.84	-10.5%	(938)	-	0.4
NHA	2.79	10.4%	1,098	24.4	2.4
VOS	2.70	25.1%	3,140	5.4	1.2
PSH	2.60	-37.1%	(4,557)	-	0.6
HPX	2.55	3.4%	396	14.5	0.5

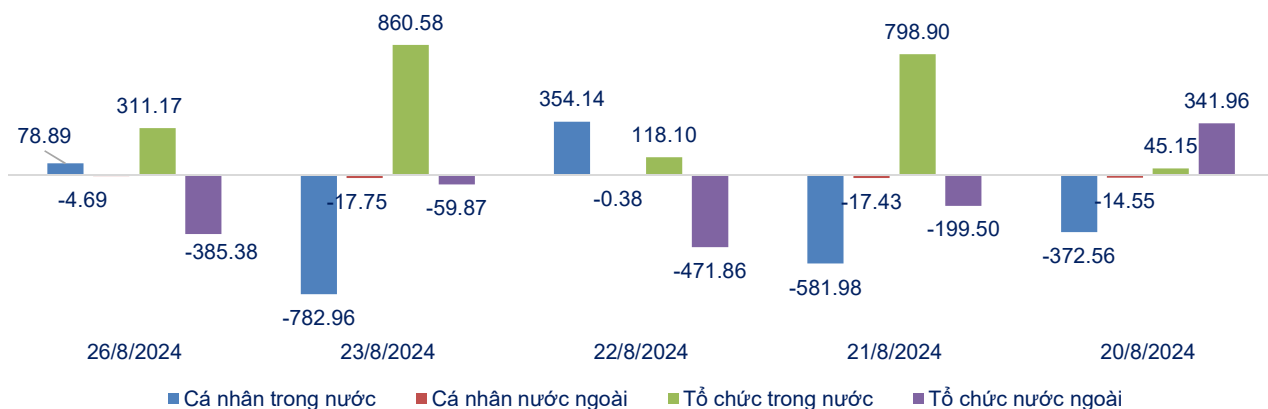
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
IDJ	3.20	6.1%	720	9.9	0.6
API	3.11	-6.2%	(687)	-	0.8
VGS	3.03	6.2%	1,088	34.4	2.1
SGH	2.88	8.7%	1,233	20.3	2.3
HMR	2.84	8.7%	1,149	10.0	0.9



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NGĐT

Giá trị ròng theo loại hình NGĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	117.01	10.7%	1,746	14.9	1.5
HSG	82.97	10.3%	1,844	11.5	1.2
PVD	74.75	4.2%	1,148	24.3	1.0
PNJ	49.64	20.3%	6,195	17.6	3.4
GMD	42.88	12.2%	4,020	20.5	2.4

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VJC	-146.10	8.6%	2,540	41.1	3.4
FPT	-85.20	23.3%	4,890	27.2	5.9
HCM	-66.09	11.0%	1,728	16.6	1.9
VCI	-65.08	9.8%	1,780	26.7	2.4
STB	-53.92	17.6%	4,340	6.9	1.2

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HCM	8.54	11.0%	1,728	16.6	1.9
STB	3.26	17.6%	4,340	6.9	1.2
FRT	3.02	-3.2%	(414)	-	13.8
SSI	2.80	12.0%	1,892	17.8	2.0
VIC	2.33	2.4%	956	43.5	1.0

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	-7.19	23.8%	7,889	14.3	3.2
GMD	-4.18	12.2%	4,020	20.5	2.4
IDI	-3.60	1.9%	237	42.5	0.8
VHM	-2.28	12.1%	5,325	7.5	0.8
SZC	-2.26	11.9%	2,033	18.7	2.3

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VJC	145.88	8.6%	2,540	41.1	3.4
STB	54.59	17.6%	4,340	6.9	1.2
TCB	51.63	16.0%	3,048	7.3	1.1
PC1	40.58	3.8%	892	33.1	1.2
MSB	34.26	14.8%	2,366	6.3	0.9

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SJS	-40.01	7.7%	1,861	35.6	2.7
PNJ	-37.49	20.3%	6,195	17.6	3.4
GMD	-35.06	12.2%	4,020	20.5	2.4
LPB	-33.81	24.6%	3,474	9.1	2.1
FUEVFVND	-33.26	N/A	N/A	N/A	N/A

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HCM	57.80	11.0%	1,728	16.6	1.9
VCI	56.93	9.8%	1,780	26.7	2.4
FPT	56.93	23.3%	4,890	27.2	5.9
FUEVFVND	34.56	N/A	N/A	N/A	N/A
VHC	29.91	8.5%	3,235	22.7	1.9

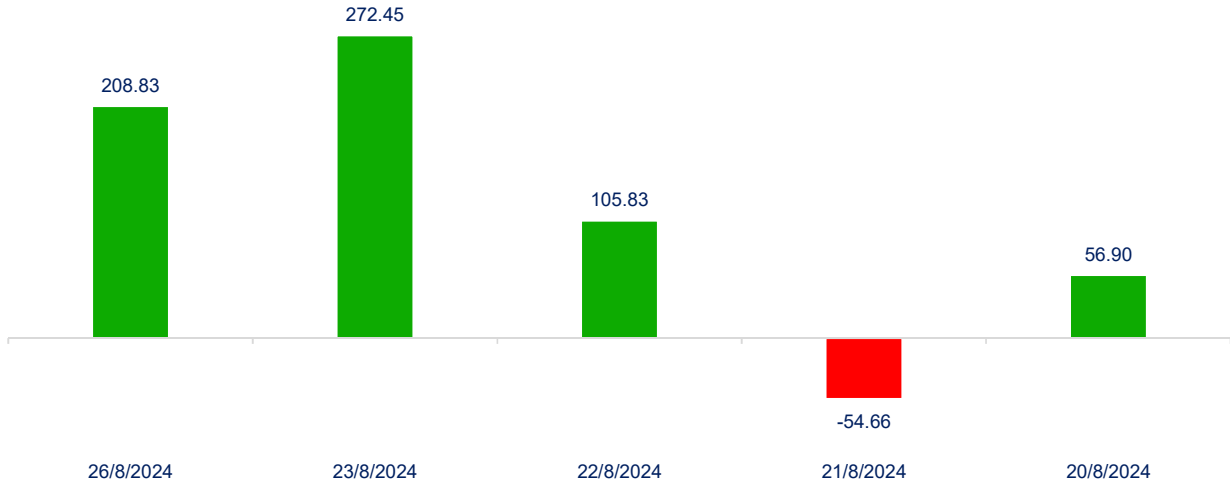
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-147.90	10.7%	1,746	14.9	1.5
HSG	-69.93	10.3%	1,844	11.5	1.2
VPB	-65.63	8.7%	1,529	12.3	1.1
PVD	-57.32	4.2%	1,148	24.3	1.0
CTG	-42.94	15.7%	3,782	9.2	1.4

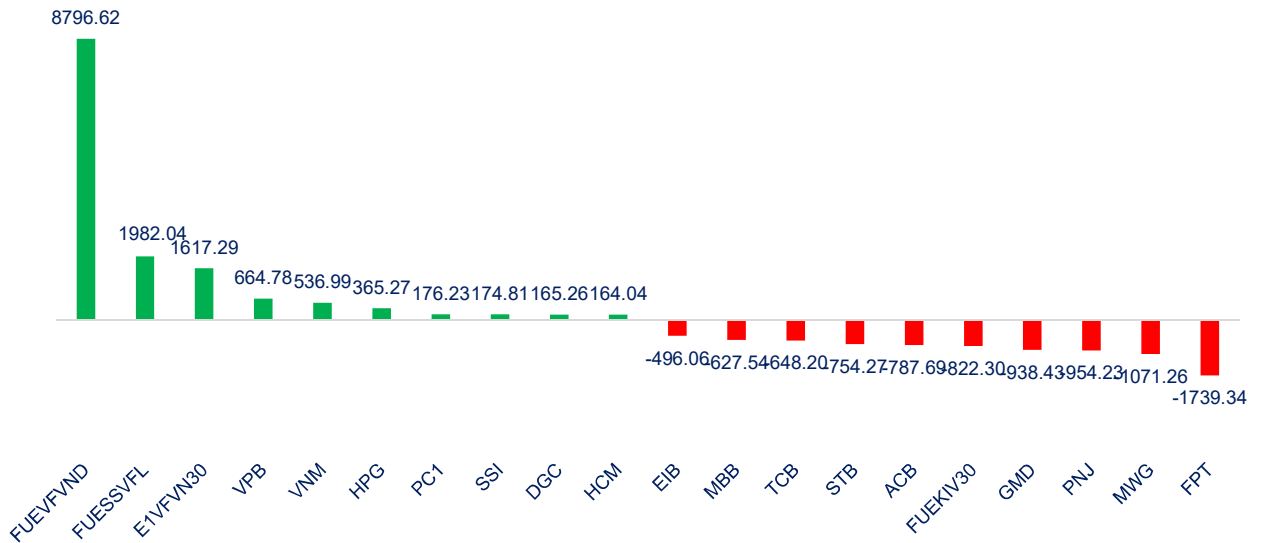


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Trưởng nhóm: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Vũ Tuấn Duy
duy.vt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
